

4143090028 (Anh 20889)

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2014/04/02			Chen_Su_Yueh	Hsu_Chen_Feng	$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1
						$6 < , \leq 30$ ± 0.2
						$30 < , \leq 120$ ± 0.3
						$120 < , \leq 315$ ± 0.5

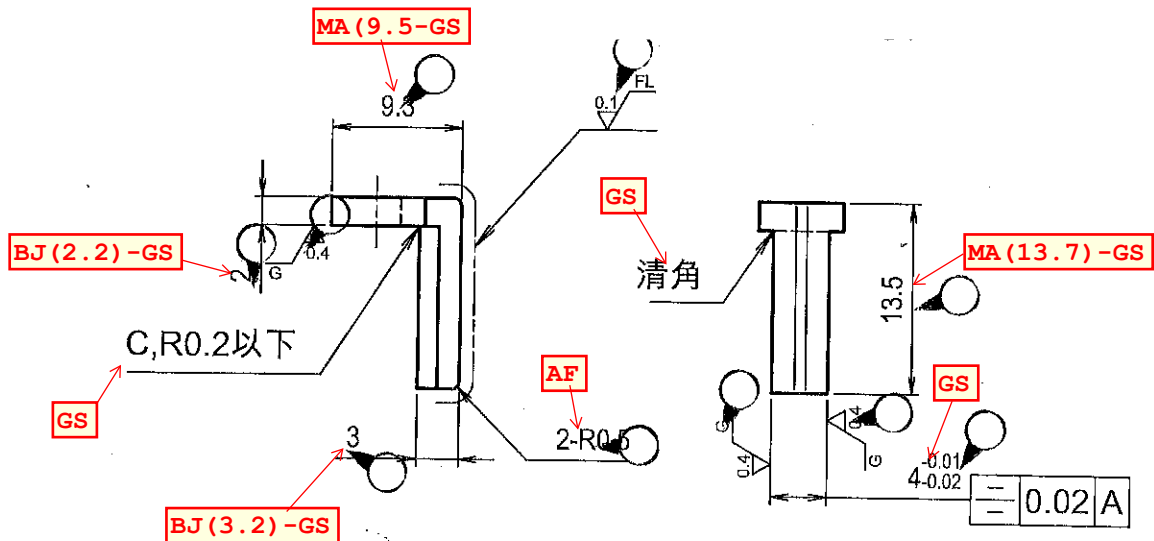
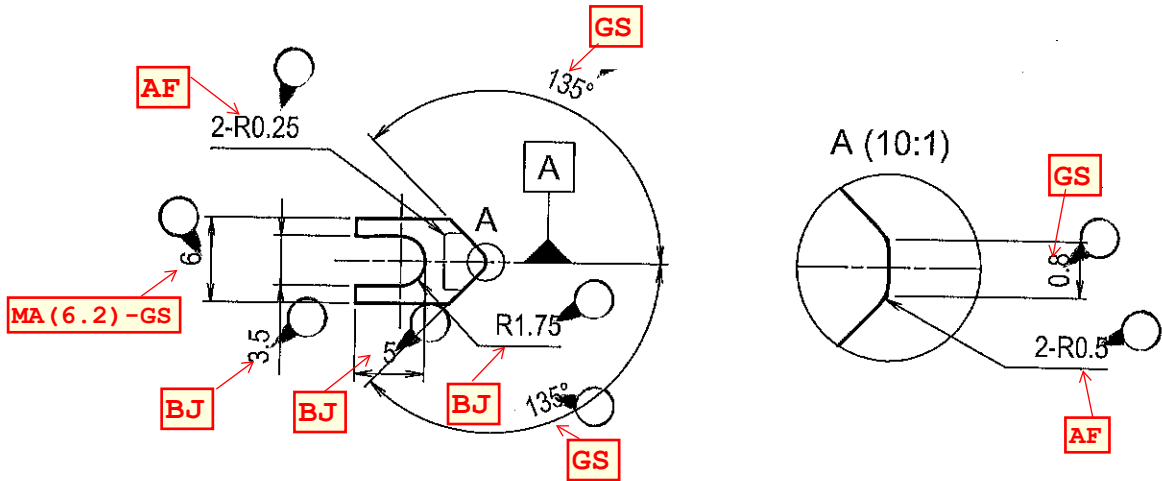
XUẤT BẢN VẼ

BẢN VẼ DÙNG

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

1.6 / 0.4 G 0.1 FL
全C0.3(SC-136)



S CHUẨN

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Chen_Su_Yueh	Hsu_Chen_Feng	部品図 PART DRAWING	位置決めキー POSITIONING KEY
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	定位鍵
HRC 58° ~ 60°	SOB	部品図	定位鍵
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2014/04/02	2:1	S916023

SNO: **S916023**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 T8*15*19	AA:15 MA:20 BJ:20 HT:40 GS:75 AF:20 AB:10 KT